

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 101/H [REDACTED] /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm: Dụng cụ làm bánh bằng nhựa PC**

Nhãn hiệu: SAN NENG

2. Thành phần tiếp xúc với thực phẩm: nhựa PC

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: không có thời hạn sử dụng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Chiếc hoặc Bộ

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi PE, ngoài là hộp giấy theo tiêu chuẩn xuất khẩu của nhà sản xuất

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên nhà máy: SAN NENG BAKE WARE (WUXI) CO. LTD.

Địa chỉ: No.316 Youyi Northern RD., Xishan, Wuxi City, Jiangsu Province, China. /Trung Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì và dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

[REDACTED] .. tháng .. năm 2025 q

NỘI DUNG NHÂN PHỤ SẢN PHẨM DỰ KIẾN

bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm: Dụng cụ làm bánh bằng nhựa PC

WUXI NENG

ng Quốc

WUXI NENG BAKE WARE (WUXI) CO. LTD.

Địa chỉ: No.316 Youyi Northern RD., Xishan, Wuxi City, Jiangsu Province, China./ Trung Quốc.

Nhà sản xuất trực tiếp với thực phẩm: nhựa PC

Đóng gói là bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm

làm như bánh, kẹo,...
sẽ, khô ráo.

Thành phố Hà Nội.

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm:
cụ làm bánh bằng nhựa PC



Food Tong		PC Plastic
SN4017	Orange	Length 215mm
SN4018	White	Length 215mm
SN4019	Transparence	Length 215mm

Food Tong		PC Plastic
SN4010	Transparence	Length 215mm
SN4011	Orange	Length 215mm
SN4012	White	Length 215mm



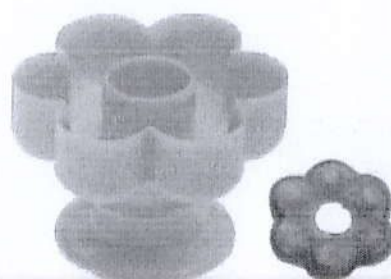
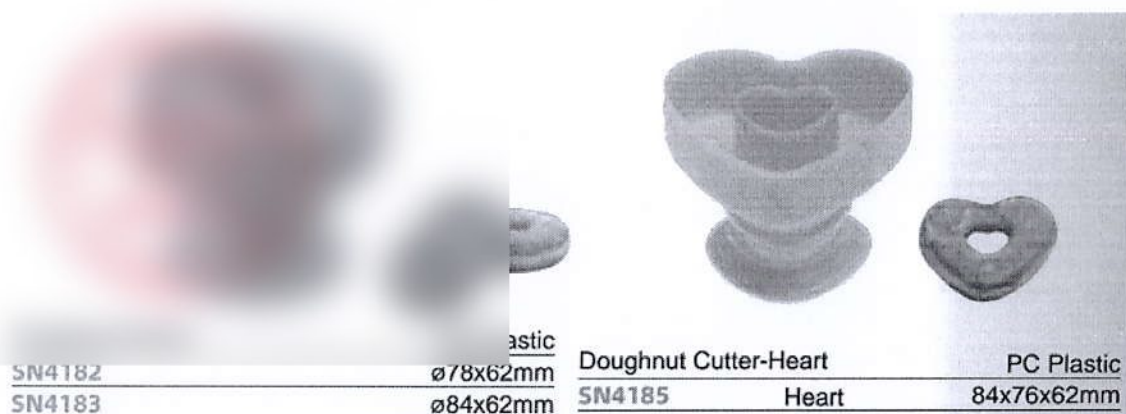
Food Tong		PC Plastic
SN4007	Transparence	Length 215mm
SN4008	Orange	Length 215mm
SN4009	White	Length 215mm

Antibacterial Plastic Food Tong (White)
SN4015 PC Plastic Length 215mm

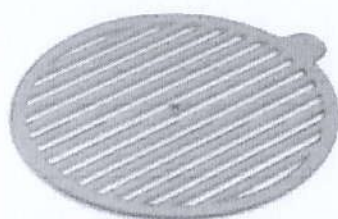


Antibacterial Plastic Food Tong (Orange)
SN4005 PC Plastic Length 215mm

Antibacterial Plastic Food Tong (White)
SN4006 PC Plastic Length 215mm



Dụng cụ trang trí bánh bằng nhựa



Movable Decorator	PC Plastic
SN4761	ø319x5mm

Dụng cụ bóc vỏ trứng/tách lòng trắng trứng bằng nhựa



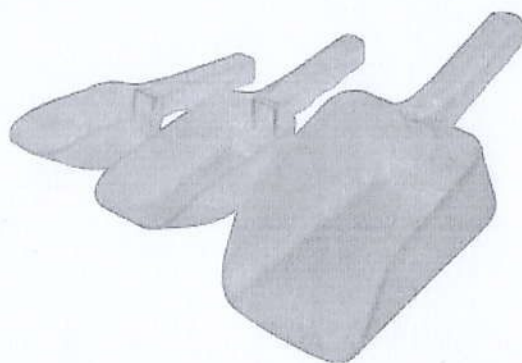
Dụng cụ giữ thẻ bằng nhựa



Price Tag Holder(10 Pcs/Set)
SN86006 PC Plastic 100x80mm

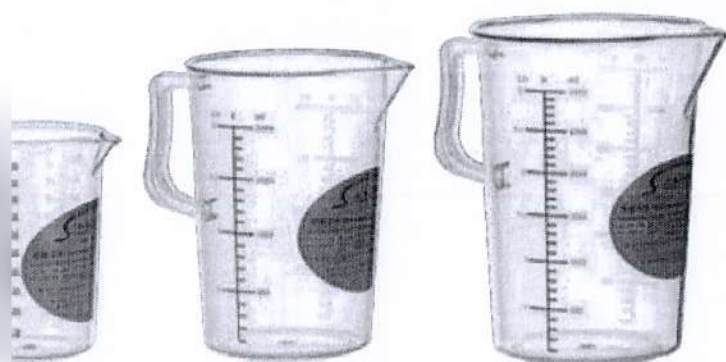
Price Tag Holder (10 Pcs/Set)
SN85296 PC Plastic 100x80mm

Dụng cụ xúc bột/xúc đá bằng nhựa



Plastic Ice Shovel		PC Plastic
SN4694	S	235x61x50mm
SN4695	M	271x78x49mm
SN4696	L	290x119x100mm

Các dụng cụ nhựa



SN4706	200ml	ø71x86mm
SN4707	500ml	ø87x126mm
SN4708	1000ml	ø113x164mm

PC Plastic Measuring Cup		PC Plastic
SN4709	2000ml	ø148x213mm
SN4710	3000ml	ø172x242mm



AR-25-VD-100895-01-VI / EUVNHC-00343484- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00096940

Mã số Eol : 005-32410-478026
Tên mẫu : Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm: Dụng cụ làm bánh bằng nhựa PC
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 04/06/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 11/06/2025
Thời gian thử nghiệm : 06/06/2025 - 11/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0EZ VD (a) Bisphenol A (bao gồm Phenol, p-tertbutyl phenol)(Nhựa Polycarbonat (PC)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=200)
2	VD734 VD (a) Bisphenol A (bao gồm Phenol, p-tertbutyl phenol) (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.02)
3	VD735 VD (a) Bisphenol A (bao gồm Phenol, p-tertbutyl phenol) (Ethanol 20 %, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.02)
4	VD736 VD (a) Bisphenol A (bao gồm Phenol, p-tertbutyl phenol) (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.02)
5	VD737 VD (a) Bisphenol A (bao gồm Phenol, p-tertbutyl phenol) (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.02)
6	VD741 VD (a) Diphenyl carbonate	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
7	VD746 VD Certain Tributyl tin (TBT) and Triphenyl tin(TPT) compounds	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)
8	VD746 VD Tributylamin	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)
9	VD746 VD Triethylamin	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)
10	VW06F VW (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
11	VW06Q VW (a) Cadimi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT (chuẩn bị mẫu/sample preparation) & AOAC 2015.01 (đo/measurement)	Không phát hiện (LOD=0.05)
12	VW0AP VW (a) Cặn khô (Acetic acid 4%, 30 phút, 60°C)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
13	VW06E VW (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
14	VW06D VW (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)



AR-25-VD-100895-01-VI / EUVNHC-00343484- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00096940

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VW06B VW (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT (chuẩn bị mẫu/sample preparation) & AOAC 2015.01 (đo/measurement)	Không phát hiện (LOD=0.05)
16	VW06K VW (a) Kim loại nặng (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.4)
17	VW06I VW (a) Lượng KMnO ₄ sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 26/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/06/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

